

Số: 80/2020/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 5 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 11, phường H, thị xã Q, tỉnh QN.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hoa T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu 11, phường H, thị xã Q, tỉnh QN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hồng P và chị Phạm Thị Hoa T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh Nguyễn Hồng P và chị Phạm Thị Hoa T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Hồng P và chị Phạm Thị Hoa T có 02 con chung là: Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2009 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 04/8/2012. Ly hôn, anh P và chị T thoả thuận giao hai con chung là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2009 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 04/8/2012 cho anh

P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Anh Nguyễn Hồng P và chị Phạm Thị Hoa T tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hồng P tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Phong đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001781 ngày 21- 4- 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh QN, anh Nguyễn Hồng P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga